

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 - 7 - 2024.

*"V/v Tranh chấp hôn nhân
và gia đình".*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quế Hương.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Lệ.

Ông Nguyễn Văn Móm Em.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Minh Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2024/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mai Thị Ngọc D, sinh năm: 1986 (có mặt).

Nơi thường trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Mai Thị Ngọc D trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh A do quen biết, có tìm hiểu nhau rồi đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 05 tháng 10 năm 2010.

Sau ngày cưới thì chị D và anh A sống chung với gia đình cha mẹ ruột của anh A tại ấp B, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu anh, chị chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh, chị thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tình cảm dành cho nhau dần phai nhạt. Chị D và anh A đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay.

Nay chị D nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh A.

- Về con chung: Chị D và anh A có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2009. Cháu N có nguyện vọng muốn sống chung với chị D. Sau khi ly hôn thì chị D yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Anh Nguyễn Văn A đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng anh A không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Mai Thị Ngọc D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa chị và anh Nguyễn Văn A. Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Chị Mai Thị Ngọc D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; bị đơn anh Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D và anh A.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh A do quen biết rồi đi đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 87 ngày 05 tháng 10 năm 2010 nên hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, chị D và anh A đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân; anh, chị đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ, đã cho thấy hôn nhân giữa chị D và A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Chị D và anh A có 01 người con chung tên Nguyễn Trọng N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2009. Cháu N đang sống chung với chị D và có nguyện vọng muốn tiếp tục sống chung với chị D. Do đó, để đảm bảo điều kiện phát triển bình thường cho cháu N cần tiếp tục giao cháu N cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên anh A không phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh A vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Án phí sơ thẩm:* Buộc chị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị Ngọc D.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Mai Thị Ngọc D được ly hôn với anh Nguyễn Văn A.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Trọng N, sinh ngày 02 tháng 02 năm 2009 cho chị Mai Thị Ngọc D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Văn A không phải cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Trọng N.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả:* Chị Mai Thị Ngọc D không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh Nguyễn Văn A vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí sơ thẩm:*

Buộc chị Mai Thị Ngọc D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0008857 ngày 11 tháng 3 năm 2024 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũng Liêm. Chị Mai Thị Ngọc D đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Anh Nguyễn Văn A không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Tb;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương